

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày 18 – 01 – 2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thế Xương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Sang

Bà Dương Thị Hồng Thùy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 47/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hà Thị Phương M, sinh năm: 1967

Địa chỉ: Số XX/W ấp PN, xã PAH, huyện CT, tỉnh BT.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm: 1962

Địa chỉ: ABCXYZ, Hoa Kỳ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 9 năm 2019 và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hà Thị Phương M trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hoàng Đ tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới năm 2006, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/02/2008. Sau khi kết hôn, ông Đ về lại Hoa Kỳ làm việc. Vì điều kiện tài chính không cho phép nên ông Đ không thể làm nhanh thủ tục đoàn tụ với bà nên ông bà giữ liên lạc thường xuyên qua điện thoại, email và ông Đ hàng năm về Việt Nam thăm bà. Tuy nhiên, kể từ năm 2010 đến nay việc liên lạc thưa dần và giữa bà và ông Đ không thống nhất được phương án đoàn tụ gia đình và từ năm 2016 ông bà đã cắt đứt liên lạc với nhau. Quá trình chung sống giữa bà và ông Đ không có tài sản chung, nợ chung và con chung. Với tình trạng hiện tại bà không thể liên lạc với ông Đ để thống nhất về

việc ly hôn nên bà làm đơn này yêu cầu Tòa án tỉnh Bến Tre giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Đ, không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn ông Nguyễn Hoàng Đ:

Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp để thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập ông Nguyễn Hoàng Đ đến Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa hôn nhân gia đình sơ thẩm theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp là ABCXYZ, Hoa Kỳ. Tuy nhiên, cơ quan có thẩm quyền của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ không thực hiện được việc tổng đạt văn bản cho ông Nguyễn Hoàng Đ.

Sau đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã thông báo kết quả ủy thác cho bà Hà Thị Phương M nhưng bà M trình bày đã mất liên lạc với ông Đ nên không cung cấp được địa chỉ mới và có yêu cầu Tòa án niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử trên Cổng Thông tin điện tử của Tòa án.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Hoàng Đ vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được lời trình bày của ông về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn bà Hà Thị Phương M, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa bà Hà Thị Phương M và ông Nguyễn Hoàng Đ là ly hôn, nguyên đơn bà Hà Thị Phương M đang ở Việt Nam, bị đơn ông Nguyễn Hoàng Đ đang ở nước ngoài (Hoa Kỳ) nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa Gia đình và Người chưa thành niên thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Hồ sơ vụ án thể hiện bà Hà Thị Phương M và ông Nguyễn Hoàng Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân và có tổ chức lễ cưới vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre vào ngày 29/02/2008, vào sổ đăng ký kết hôn số 47, Quyển số 01 ngày 07/3/2008 nên hôn nhân giữa bà Hà Thị Phương M và ông Nguyễn Hoàng Đ là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Theo lời trình bày của nguyên đơn bà M thì sau khi kết hôn ông Đ về lại Hoa Kỳ làm việc. Vì điều kiện tài chính không cho phép nên ông Đ không thể làm nhanh thủ tục đoàn tụ với bà nên ông bà giữ liên lạc thường xuyên qua điện thoại, email và ông Đ hàng năm về Việt Nam thăm bà. Tuy nhiên, kể từ năm 2010 đến nay việc liên lạc thưa dần và giữa bà và ông Đ không thống nhất được phương án đoàn tụ gia đình và từ năm 2016 ông bà đã cắt đứt liên lạc với nhau. Quá trình chung sống giữa bà và ông Đ không có tài sản chung, nợ chung và con chung. Với tình trạng hiện tại bà không thể liên lạc với ông Đ để thống nhất về việc ly hôn nên bà làm đơn này yêu cầu Tòa án tỉnh Bến Tre

giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ.

[2.2] Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp để thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập ông Nguyễn Hoàng Đ đến Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa hôn nhân gia đình sơ thẩm theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp là ABCXYZ, Hoa Kỳ; đây đồng thời là địa chỉ ông Đ cung cấp khi đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, cơ quan có thẩm quyền của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ không thực hiện được ủy thác tư pháp nêu trên. Sau đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã thông báo kết quả cho bà M nhưng bà M không cung cấp được địa chỉ mới và có yêu cầu Tòa án niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử trên Cổng Thông tin điện tử của Tòa án. Ngày 16/12/2020, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai quyết định đưa vụ án ra xét xử trên cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre trong thời gian 01 tháng kể từ ngày đăng quyết định. Tuy nhiên, hết thời hạn 01 tháng, kể từ ngày đăng quyết định, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre vẫn không nhận được bất kỳ văn bản nào về ý kiến của ông Nguyễn Hoàng Đ đối với vụ án này, ngày mở phiên tòa ông Nguyễn Hoàng Đ vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của bà M và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, ông bà không còn liên lạc với nhau, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà M yêu cầu ly hôn với ông Đ là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Hà Thị Phương M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của ông Nguyễn Hoàng Đ nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Về chi phí thực hiện ủy thác tư pháp và án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Hà Thị Phương M phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 147, Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Hà Thị Phương M.

Bà Hà Thị Phương M được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Đ.

Về con chung, tài sản chung và về nợ chung: Bà Hà Thị Phương M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng không ghi nhận được lời trình bày của ông Nguyễn Hoàng Đ nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát

sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Hà Thị Phương M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006921 ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

3. Về phí thực hiện ủy thác tư pháp: Bà Hà Thị Phương M phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng phí thực hiện ủy thác đã nộp là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006925 ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

4. Về chi phí dịch thuật và chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp: Bà Hà Thị Phương M phải chịu và đã nộp xong.

Bà Hà Thị Phương M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ; ông Nguyễn Hoàng Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Vụ GĐT 1 TANDTC;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- UBND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Tòa GD và NCTN; Phòng KTNV;
- VP Tòa án Tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thế Xương